

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2021/QĐST-HNGĐ

P, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa:

1/ Nguyên đơn: Anh Trần Duy T, sinh năm 1984;

HKTT: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

2/ Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989;

HKTT: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Trần Minh N, sinh ngày 23/01/2011;

- Cháu Trần Nguyên B, sinh ngày 16/11/2015;

Đều HKTT: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Anh Trần Duy T và chị Phạm Thị H là bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/3/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/3/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

H. 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Duy T và chị Phạm Thị

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy T và chị Phạm Thị H thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung:

Anh Trần Duy T và chị Phạm Thị H thỏa thuận thống nhất: Giao cháu Trần Minh N, sinh ngày 23/01/2011 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Nguyên B, sinh ngày 16/11/2015 cho anh Trần Duy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh T và chị Hương không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn anh T và chị Hương được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Hai bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Về án phí: Anh Trần Duy T và chị Phạm Thị H thỏa thuận thống nhất anh T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003815 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, anh T đã nộp đủ án phí. Hoàn trả anh Trần Duy T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND thị trấn T (*GCNKH số 19, quyền số 01/2010*);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q